

Số: 07/2023/QĐST-DS

D, ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V, địa chỉ trụ sở chính: Số 89 L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị Bích H - Cán bộ Xử lý nợ, địa chỉ: Tầng 6, số 152 Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (Theo Văn bản ủy quyền số 646/2023/UQ-KHCN ngày 12 tháng 5 năm 2023).

Bị đơn: Anh Bùi Quý H và chị Trần Thị Vân A; cùng địa chỉ: Tổ 1B, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng,

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về khoản nợ: Tạm tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2023, anh Bùi Quý H và chị Trần Thị Vân A còn nợ V tổng số tiền là 44.069.616.238 (bốn mươi tư tỷ không trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn hai trăm ba mươi tám) đồng, cụ thể như sau:

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2201195119431 ngày 26 tháng 01 năm 2022, tạm tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2023 là 38.340.657.070 (ba mươi

tám tỷ ba trăm bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi) đồng; trong đó: Nợ gốc: 34.488.769.822 (ba mươi tư tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm hai mươi hai) đồng, nợ lãi trong hạn là: 3.709.709.033 (ba tỷ bảy trăm linh chín triệu bảy trăm linh chín nghìn không trăm ba mươi ba) đồng và nợ lãi quá hạn: 142.178.215 (một trăm bốn mươi hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm mười lăm) đồng.

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2203115353407 ngày 25 tháng 3 năm 2022, tạm tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2023 là 5.475.789.697 (năm tỷ bốn trăm bảy mươi năm triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi bảy) đồng; trong đó: Nợ gốc: 4.860.000.000 (bốn tỷ tám trăm sáu mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là: 591.027.496 (năm trăm chín mươi một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi sáu) đồng và nợ lãi quá hạn: 24.762.201 (hai mươi tư triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm linh một) đồng.

- Khoản nợ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 324-P-4123443 ngày 17 tháng 4 năm 2018, tạm tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2023 là 253.169.471 (hai trăm năm mươi ba triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi một) đồng; trong đó: Nợ gốc: 248.644.690 (hai trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi) đồng, nợ lãi là: 4.524.781 (bốn triệu năm trăm hai mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi một) đồng.

2.2 Về lãi suất: Kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2023, **anh Bùi Quý H và chị Trần Thị Vân A tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.**

2.3 Phương án trả nợ và xử lý tài sản thế chấp: Anh Bùi Quý H và chị Trần Thị Vân A cam kết thanh toán toàn bộ các khoản nợ nêu trên trước ngày 31 tháng 10 năm 2023. Nếu anh Bùi Quý H và chị Trần Thị Vân A vi phạm cam kết này thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V. Tài sản thế chấp bao gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 9752,1m², số thửa: 175; tờ bản đồ số: 84; địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 169229, số vào sổ cấp GCN: CS 13416 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02 tháng 6 năm 2021).

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 2008,6 m², số thửa: 174; tờ bản đồ số: 84; địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 169230, số vào sổ cấp GCN: CS

13417 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02 tháng 6 năm 2021).

Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 2172,5m² số thửa: 195; tờ bản đồ số: 84; địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 489425, số vào sổ cấp GCN: CS 13603 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 6 năm 2021).

Tài sản 4: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 1002,6m² số thửa: 120; tờ bản đồ số: 84; địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 597831, số vào sổ cấp GCN: CS 10897 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05 tháng 10 năm 2020).

Tài sản 5: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 3079,3m² số thửa: 143; tờ bản đồ số: 84; địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 778642, số vào sổ cấp GCN: CS 11988 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27 tháng 01 năm 2021).

Tài sản 6: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 2371,5m² số thửa: 147; tờ bản đồ số: 84; địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 778646, số vào sổ cấp GCN: CS 11985 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27 tháng 01 năm 2021).

Tài sản 7: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 89,2m² số thửa: 224; tờ bản đồ số: 47; địa chỉ thửa đất: Tổ 27 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 713098, số vào sổ cấp GCN: CH001302 do UBND quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 12 năm 2018).

(Theo các Hợp đồng thế chấp số công chứng: 000244, quyền số: 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD, kí ngày 21 tháng 01 năm 2022; số công chứng: 000243, quyền số: 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD, kí ngày 21 tháng 01 năm 2022; số công chứng: 000246, quyền số: 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD, kí ngày 21 tháng 01 năm 2022; số công chứng: 000247, quyền số: 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD, kí ngày 21 tháng 01 năm 2022; số công chứng: 000242, quyền số: 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD, kí ngày 21 tháng 01 năm 2022; số công chứng: 000245, quyền số: 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD, kí ngày 21 tháng 01 năm 2022; số công chứng: 5606/HĐTC/2022, quyền số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD, kí ngày 25 tháng 03 năm 2022).

2.4. Trường hợp tài sản sau khi phát mại không đủ để thanh toán toàn bộ khoản vay của bị đơn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V thì anh Bùi Quý H và

chị Trần Thị Vân A còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các khoản vay nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.5. Về án phí: Anh Bùi Quý H và chị Trần Thị Vân A nhận chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm là 76.034.808 (bảy mươi sáu triệu không trăm ba mươi tư nghìn tám trăm linh tám) đồng.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002904 ngày 26 tháng 5 năm 2003 tại Chi cục Thi hành án quận D, thành phố Hải Phòng.

2.6. Về chi phí tố tụng: Anh Bùi Quý H và chị Trần Thị Vân A nhận chịu toàn bộ chi phí thẩm định tài sản là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng và phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V số tiền này.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND TP.Hải Phòng;
- TAND TP.Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Duyên